CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty PISICO Bình Định - CTCP

Ngày 30/09/2025	12,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.0%	**5.6%**	**-9.7%**

DT thuần
Q3/25
83.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.7| -15.1%
YoY: ▼35.0| -29.7%

LN thuần
Q3/25
2.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.88| -25.1%
YoY: ▼6.80| -72.2%

LN sau thuế
Q3/25
3.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.89| -48.8%
YoY: ▼5.56| -64.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.2%
YoY: +/-▼ 2.3%

ROE (TTM)
Q3/25
10.9%
YoY: +/-▼ 0.7%

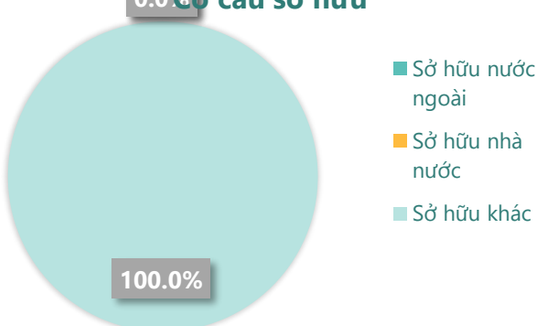
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,682 - 13,393
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	333
Số lượng CPLH (CP)	27,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.18
EPS	1,646
P/E	7.4

DT thuần
9T 2025
277
tỷ VNĐ
YoY: ▼81.0| -22.6%

LN thuần
9T 2025
12.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.8| -58.0%

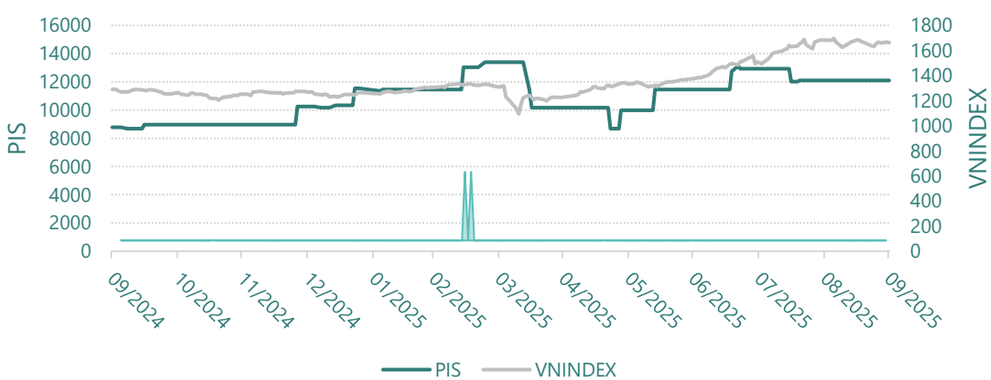
LN sau thuế
9T 2025
12.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.0| -54.7%

Cơ cấu sở hữu

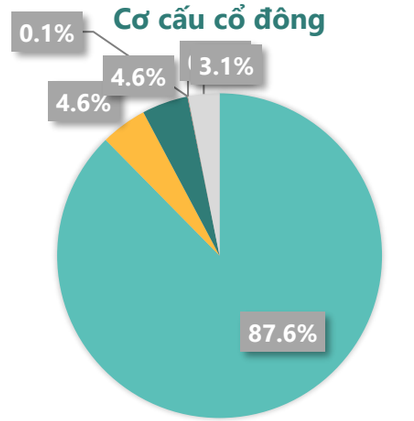


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

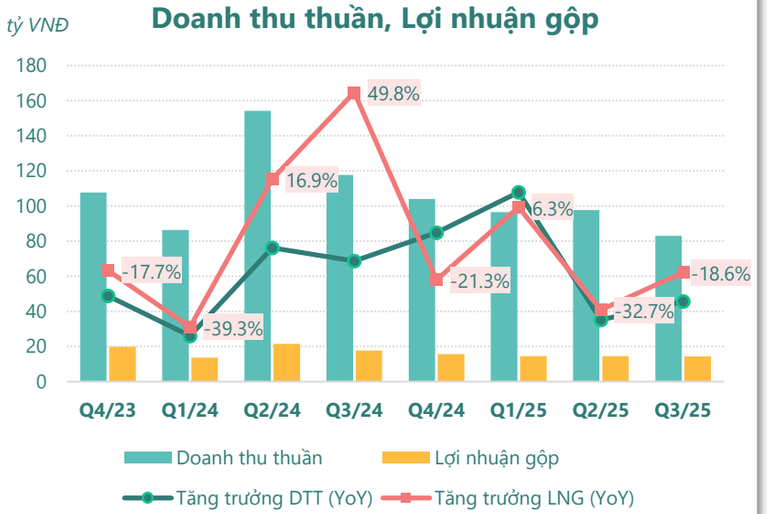


- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy
- Lâm Ánh Vy
- Lâm Duy Việt (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Minh Hậu
- Nguyễn Hoàng Lam (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

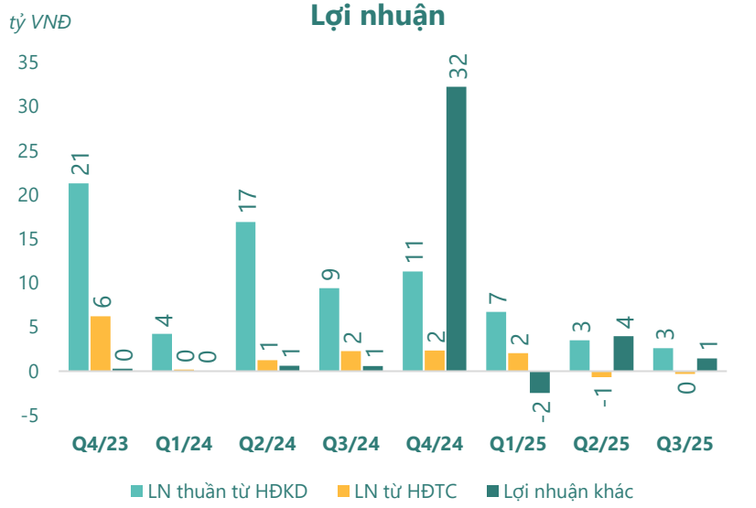
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



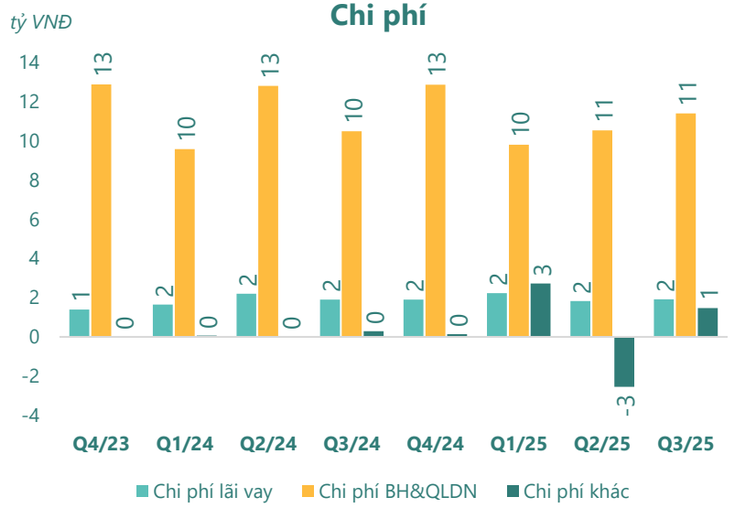
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



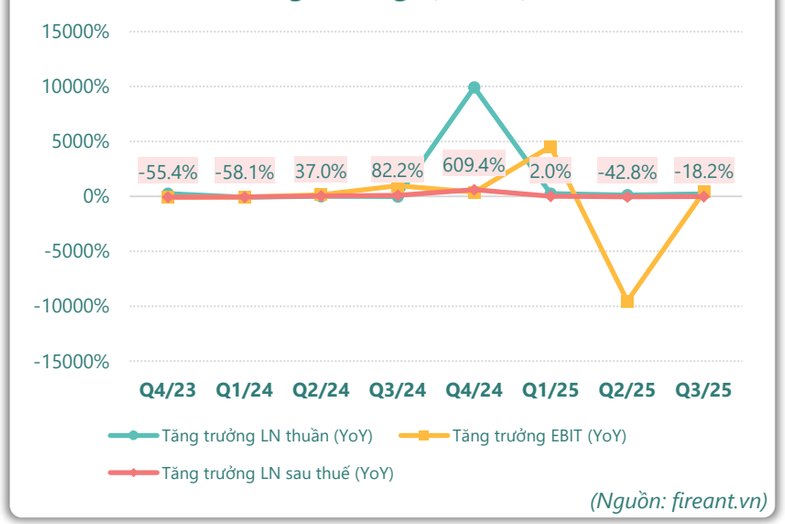
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



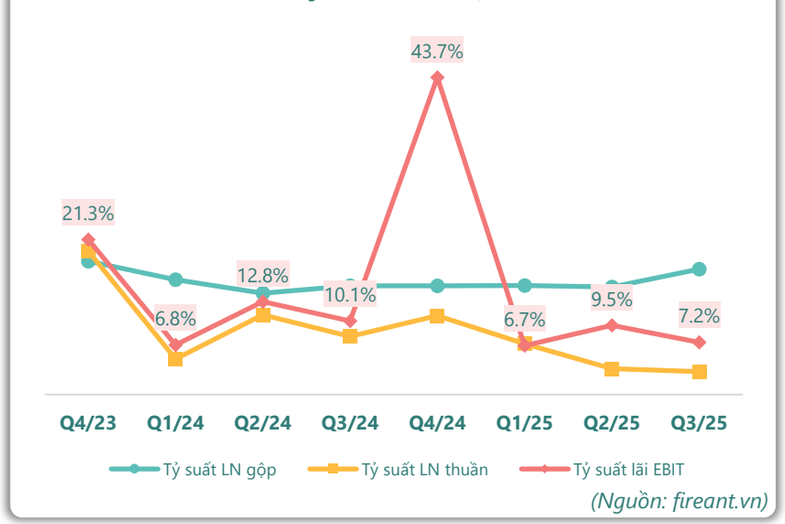
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



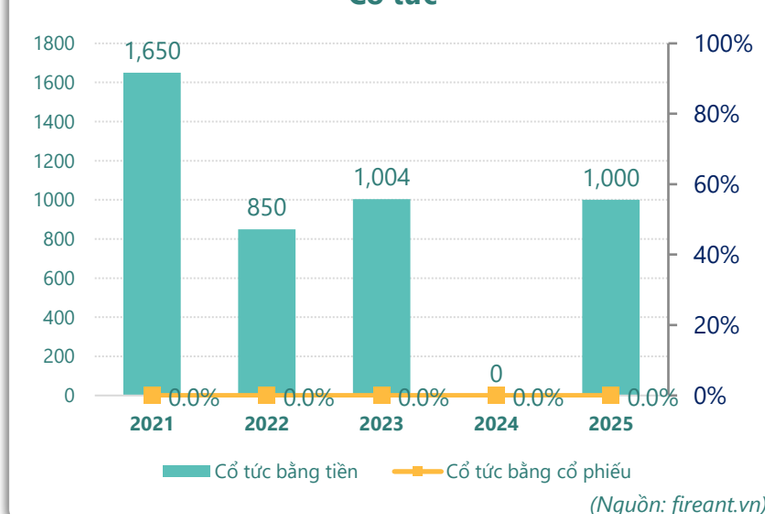
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

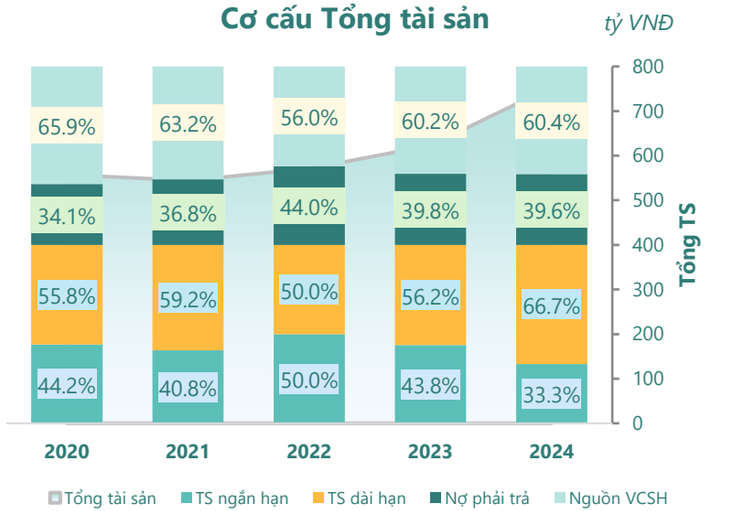
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

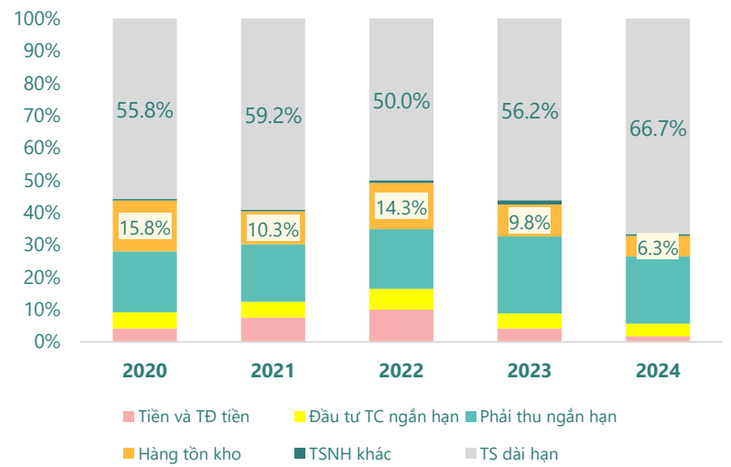
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



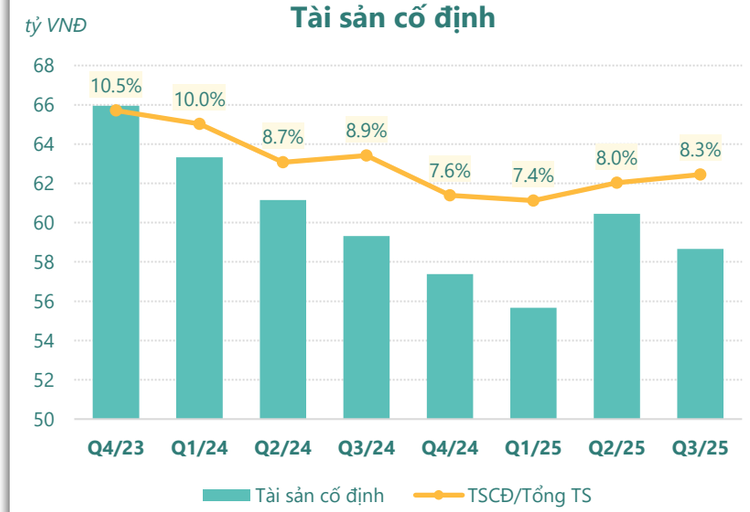
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



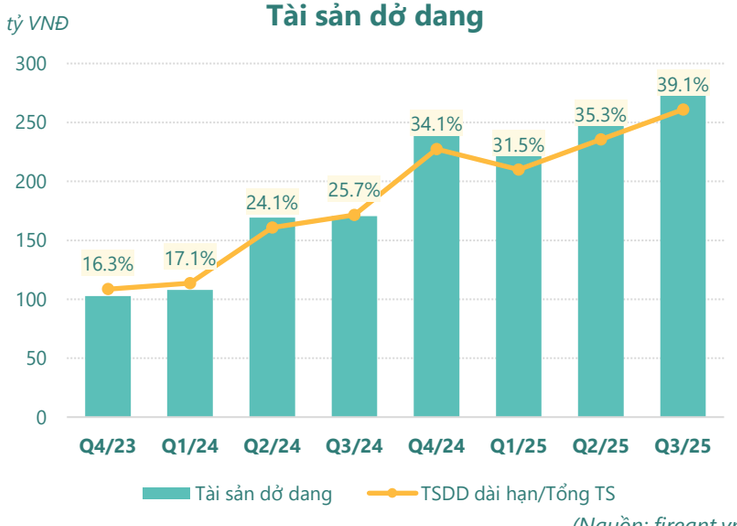
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



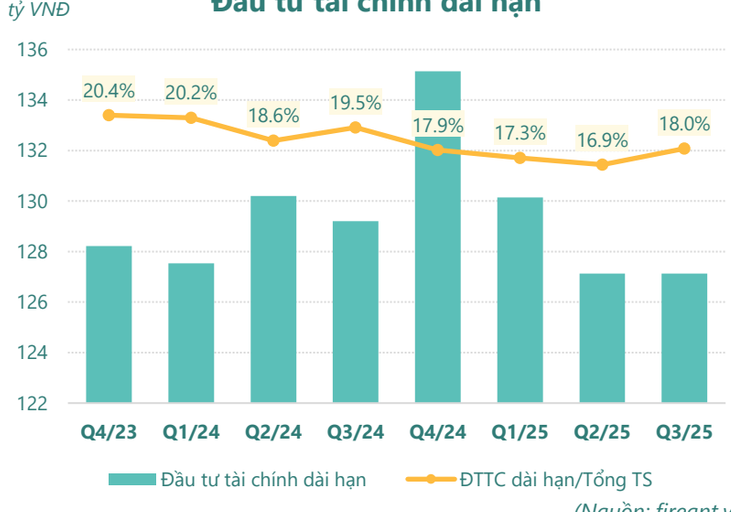
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



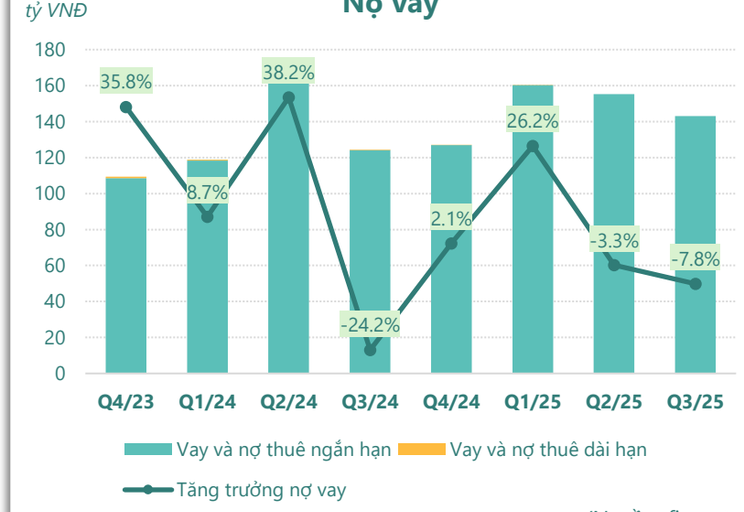
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

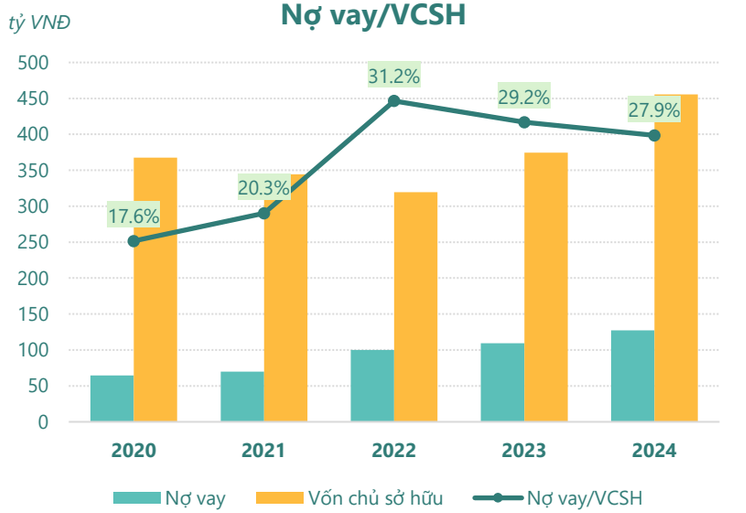
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

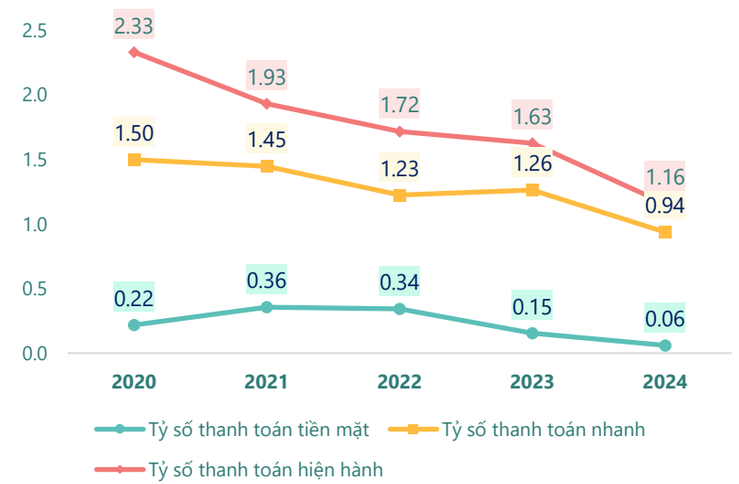
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



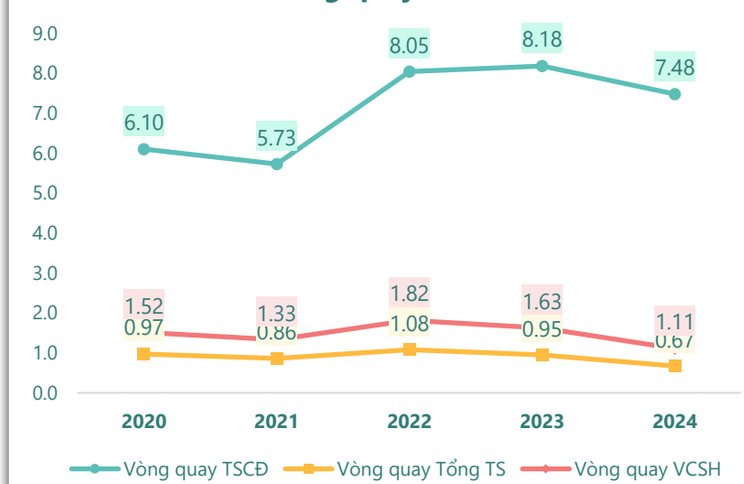
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



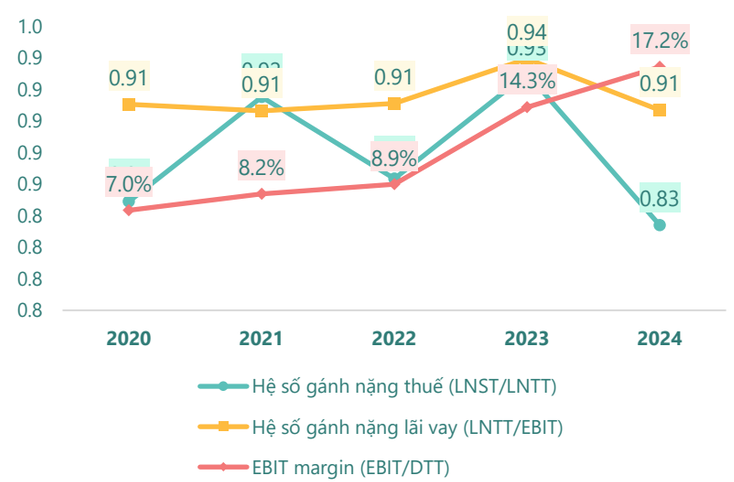
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



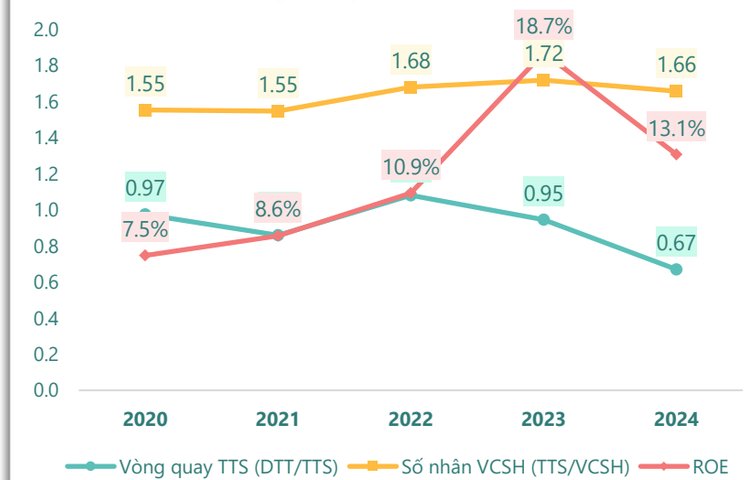
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



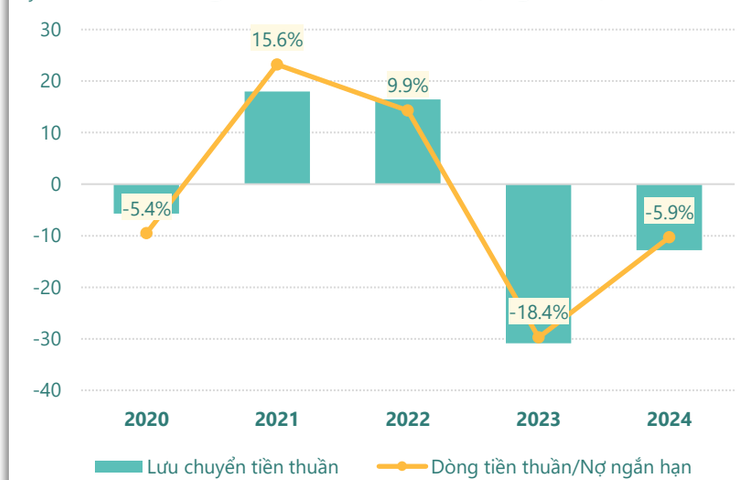
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**83.0**	**118**	**-29.7%**	**277**	**358**	**-22.6%**
Giá vốn hàng bán	68.6	100	-31.4%	234	305	-23.4%
Lợi nhuận gộp	14.3	17.6	-18.5%	43.3	52.8	-17.9%
Doanh thu HĐTC	1.60	4.38	-63.6%	7.37	10.3	-28.5%
Chi phí TC	1.91	2.09	-8.5%	6.34	6.60	-3.9%
Chi phí lãi vay	1.91	1.91	0.1%	5.97	5.75	3.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.25**	**6.95**	**-96.4%**
Chi phí bán hàng	5.70	4.96	15.0%	14.0	14.9	-6.2%
Chi phí QLDN	**5.71**	**5.54**	**3.0%**	**17.8**	**18.0**	**-1.1%**
LN thuần từ HĐKD	2.62	9.42	-72.2%	12.8	30.6	-58.0%
Lợi nhuận khác	**1.43**	**0.59**	**143%**	**2.94**	**1.23**	**139%**
LN trước thuế	4.05	10.0	-59.5%	15.8	31.8	-50.3%
Lợi nhuận sau thuế	**3.04**	**8.60**	**-64.7%**	**12.4**	**27.4**	**-54.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.60**	**5.36**	**-70.1%**	**8.52**	**19.3**	**-56.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.9	0.31	-91.1	-40.9	56.8	-5.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.3	33.9	37.5	0.51	7.05	-3.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	75.5	-65.4	55.2	61.4	-33.1	-44.7
Tiền đầu kỳ	24.0	42.4	11.5	13.1	34.3	64.8
Lưu chuyển tiền thuần	**18.4**	**-31.1**	**1.60**	**21.0**	**30.8**	**-54.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.20	0	0.20	-0.19	0.01
Tiền cuối kỳ	42.4	11.5	13.1	34.3	64.8	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**707**	**754**	**-6.3%**
Tài sản ngắn hạn	194	251	-22.8%
Tiền và tương đương tiền	10.6	13.1	-19.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.4	29.4	6.9%
Phải thu ngắn hạn	93.0	157	-40.7%
Hàng tồn kho	53.8	47.8	12.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.83	3.92	23.0%
Tài sản dài hạn	**513**	**503**	**1.9%**
Phải thu dài hạn	6.89	8.86	-22.3%
Tài sản cố định	58.7	57.4	2.2%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.4	-1.3%
Tài sản dở dang	277	257	7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	127	137	-6.9%
Tài sản dài hạn khác	**13.8**	**13.4**	**3.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	269	299	-9.9%
Nợ ngắn hạn	**191**	**217**	**-12.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	143	127	12.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.8	16.0	-20.1%
Nợ dài hạn	78.5	82.1	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.22	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**438**	**456**	**-3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**438**	**456**	**-3.9%**
Vốn điều lệ	275	275	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)